



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

Năm 2016
Year 2016

(Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Appendix 4 as promulgated with Circular No. 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the information disclosure on securities markets)

I. Thông tin chung / General information

1. Thông tin khái quát / General information

- Tên giao dịch / Trading name:	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") / Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited ("The Company")
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số / Certificate of business registration No:	53/GP-UBCK
- Vốn điều lệ / Charter capital:	VND 25,000,000,000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu / Owner's capital:	VND 25,000,000,000
- Chủ sở hữu / Owner:	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / Dai-ichi Life Insurance company of Vietnam, Ltd.
- Địa chỉ / Address:	149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM / 149-151 Nguyen Van Troi, Ward 11, Phu Nhuan district, HCM City
- Số điện thoại / Telephone:	(08) 3810 0888
- Số fax / Fax:	(08) 3844 9835
- Website:	http://dfvn.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển / Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) / Foundation and development process (date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Ngày 10/02/2014: Công ty được cấp giấy phép thành lập bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: (i) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (ii) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
On 10th February 2014, the Company License is issued by State Securities Commission with business sectors including: (i) Securities investment fund management; (ii) Securities portfolio management and (iii) Securities investment advisory.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận được Thông báo xác lập thành lập Quỹ thành viên, tên là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam.
On 30th December 2014, the Company obtained Notification of establishment Equity member fund, namedly Dai-ichi Life Vietnam Equity Member Fund.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Lines and locations of the business:

- **Ngành nghề kinh doanh / Lines of the business** (Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / *Specify major lines of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):
 - Nghiệp vụ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán / *Securities portfolio management*;
 - Nghiệp vụ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán / *Securities investment fund management*
- **Địa bàn kinh doanh / Location of business** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):
 - Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh / *The Company has business location mainly in Ho Chi Minh city.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- **Mô hình quản trị / Governance model**
 - (a) Hội đồng Thành viên / *Member's Council*;
 - (b) Kiểm soát viên / *Inspector*;
 - (c) Tổng giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*;
- **Cơ cấu bộ máy quản lý / Management structure**
 - (a) Hội đồng Thành viên / *Member's Council*;
 - (b) Kiểm soát viên / *Inspector*;
 - (c) Tổng giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*;
 - (d) Các phòng ban bao gồm: (i) Đầu tư; (ii) Kiểm soát Nội bộ; (iii) Nghiệp vụ và (iv) Phát triển kinh doanh / *The divisions include: (i) Investment; (ii) Internal Control; (iii) Operations and (iv) Business Development*
- **Các công ty con, công ty liên kết / Subsidiaries, associated companies**
 - Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết / *The Company currently does not have any subsidiaries, associated companies.*

4. Định hướng phát triển / Development orientations

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company**
 - Trở thành Công ty quản lý quỹ thuộc nhóm dẫn đầu về uy tín và hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng; không ngừng phát triển và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.
Become a fund management Company in the leading group which brings customers prestige and investment efficiency; continuously develop and improve the organizational structure, professional working environment, risk management policy in accordance with international

standards in order to meet the customer needs which are increasing and diverse.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn / Development strategies in medium and long term**

• **Duy trì kết quả đầu tư vượt trội / Maintain outstanding investment results**

Công ty đang được ủy thác quản lý tài sản từ Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bao gồm các Quỹ liên kết đơn vị thuộc Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đầu tư, và một Quỹ đầu tư chứng khoán dạng Quỹ Thành viên. Năm 2016, danh mục của khách hàng tổ chức, các quỹ đầu tư do Công ty quản lý đều đạt hiệu quả đầu tư cao. Kế hoạch năm 2017, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, tìm kiếm cơ hội để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư của tài sản ủy thác và các quỹ đầu tư hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng và nhà đầu tư.

The Company manages the capital entrusted by Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Limited, including Unit-link Fund of investment-linked investment product, and one Securities investment fund in the type of member fund. In 2016, portfolio of institutional customer and funds, which are managed by the Company, achieve high investment efficiency. As the plan for year 2017, the Company will make the more effort, look for investment opportunities in order to continuously maintain and enhance the investment efficiency of the asset under management, fund assets to adopt customer needs better and better.

• **Chú trọng phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng cá nhân trong nước / Focus on developing products affordable for individual customers**

Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam trong vài năm trở lại đây cho thấy sự phát triển mạnh và bền vững hơn, trở thành một trong những kênh đầu tư mang lại hiệu quả sinh lời tốt nhất. Tuy nhiên, thống kê cho thấy, tỷ trọng người dân Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ những cơ hội đầu tư trên TTCK để tích lũy tài sản làm giàu cho tương lai là không nhiều. Nguyên nhân là do (1) Phần lớn trong số họ bị hạn chế về thời gian, kiến thức, kinh nghiệm và thông tin thị trường; (2) Một số khác lại có xu hướng tự đầu tư và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trên mức hợp lý với hy vọng làm giàu nhanh chóng. Công ty sẽ nỗ lực không ngừng nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ (Quỹ mở, Quỹ Hưu trí tự nguyện...) chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích lũy tài sản cho cuộc sống tương lai của rất nhiều người dân Việt Nam.

The Vietnam stock market in recent years has shown a stronger, sustainable development and becomes one of the best investment channels with the high investment insufficiency. However, the statistic has shown that the proportion of Vietnamese people participating in and benefiting from stock market to accumulate the capital for future enrichment is not large. The reason is that (1) most of them are limited to time, knowledge, experience and market information; (2) Others tend to invest on their own and are willing to take risks over reasonable basic to get rich quicker as their hope. The Company will endeavor to provide high-quality products and services (Open-ended fund, Voluntary pension fund...) to meet the demand for investment and asset accumulation for future life of many Vietnamese people.

Công ty đang có kế hoạch giới thiệu và chào bán lần đầu (các) Quỹ mở ra công chúng. Đồng thời, Công ty cũng có những bước nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý, điều kiện thị trường, mô hình kinh doanh và các bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quỹ Hưu trí Bổ sung Tự nguyện phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam.

The Company is planning to launch and offer Open-ended fund(s) to the public as the first time. At the same time, the Company also conducts the steps for researching about legal framework, market condition, business concept and the preparation for Additional voluntary pension fund which will be suitable for conditions in Vietnam.

C. T
G. T
I. E. M. H.
I. A. N. H.
L. Y.
C. H. I.
. T. N.
N. T.

hu

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community sustainability*
- Công ty luôn chú trọng tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc định hướng phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.

The Company always focuses on community responsibilities in the orientation of business development in order to ensure the best benefits for customer, investor and other related parties.

5. Các rủi ro / *Risks:*

- Rủi ro thị trường / *Market risk:*

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Công ty bị ảnh hưởng từ biến động về lãi suất và giá cổ phiếu; có thể do tình hình thị trường, thay đổi về chính sách kinh tế vĩ mô, pháp lý mang lại.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty phải đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

Revenue from the operation of portfolio management, fund management will be impacted by the fluctuation of interest and stock price; due to market condition, changes in economics macro policy, legal regulations.

In order to mitigate these risks, the Company needs to ensure that risk management job, which is conducted with discipline consistency and close collaboration, are maintained throughout the organization's operational procedure; from market monitoring, evaluation and forecast, investment strategy, to limitation, warning systems and treatment processes.

- Rủi ro hoạt động / *Operation risk*

Do số lượng nhân viên làm việc tại Công ty không nhiều, và mỗi nhân sự làm việc đóng vai trò chủ chốt trong mảng công việc tác nghiệp nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng của rủi ro nếu nhân viên nghỉ việc. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ban hành quy trình tác nghiệp cụ thể, chuẩn mực đến từng vị trí công tác để phục vụ cho huấn luyện, đào tạo nhân sự mới; và đồng thời Công ty cũng xây dựng, phát triển các chính sách đãi ngộ các nhân viên của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng chịu rủi ro do lỗi tác nghiệp gây ra trong quy trình quản lý danh mục đầu tư, quỹ đầu tư chứng khoán cho khách hàng.

Because the number of employees working at the Company is not large, and each employee is a key person in working positions; thus the Company is impacted by resignation from the employees. In order to minimize this risk, the Company issues operational manual which needs to be detailed, standardized to each work position to help to train new recruited employees; and the Company shall establish, develop remuneration policy. Besides, the Company is impacted by error risk occurred in the process of portfolio management, fund management.

- Rủi ro hệ thống / *System risk*

Trong quá trình hoạt động của Công ty có thể xảy ra rủi ro do lỗi hệ thống, sự cố đe dọa sự an toàn, an ninh của hệ thống Công ty.

During the Company course, it perhaps occurs system errors, the incidents threatening the security, safety of the Company system.

T.M.
Y
DUHAN
VIEN
QUY
LIFE
M
P. HO

hu

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016 / *Business operations of year 2016*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh / *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm / *Results of business operations in the year:*
- Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư: Trong năm 2016, doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư đạt 21,337 tỷ đồng chiếm 96.46% tổng doanh thu, tăng 18.68% so với năm 2015. Công ty phát triển doanh thu theo định hướng bền vững, doanh thu tăng trong khi vẫn đảm bảo an toàn và luôn kiểm soát được rủi ro. Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành tốt việc tăng trưởng doanh thu trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, kết quả là đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2015.

For the operation of portfolio management: In 2016, the revenue from portfolio management operation reached 21,337 billion VND, accounted 96.46% of total revenue, increased 18.68% comparing to year 2015. The revenue is developed by the Company based on the sustainability orientation, this means that the revenue increases while securing the capital and controlling risks. In 2016, the Company well completed the mission of revenue development in portfolio management operation, and the result is that there is a considerable increase in revenue comparing to year 2015.

- Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán năm 2016 là 783 triệu đồng, tăng 4.5% so với năm 2015

For the fund management operation: The revenue from the fund management operation of year 2016 is 783 million VND, increases 4.5% comparing to year 2015.

2. Tổ chức và nhân sự / *Organization and Human resource*

- **Danh sách Ban điều hành / *List of the Board of Management***

- Ông Trần Châu Danh – Tổng Giám đốc điều hành / *Mr. Tran Chau Danh – Chief Executive Officer;*
- Ông Eiichi Ohira – Phó giám đốc, Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ / *Mr. Eiichi Ohira – Assistant Director, Head of Internal Control Division.*

- **Những thay đổi trong Ban điều hành / *Changes in the Board of Management***

- Trong năm 2016, Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

In year 2016, the Company did not have any changes in the Board of Management.

- **Số lượng nhân viên trong Công ty tính đến cuối năm 2016 là 10 người.** Công ty luôn cố gắng xây dựng, phát triển chính sách nhân sự đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.

The number of the Company employees is 10 persons. The Company always tries to establish, develop HR policies to ensure the better benefits for employees.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / *Investment activities, project implementation*

- Năm 2016, Công ty đầu tư tài chính ngắn hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước bằng VNĐ. Tổng số tiền đầu tư là 35 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư của Công ty mang tính an toàn, mang lại nguồn vốn ổn định cho Công ty.

In 2016, the Company has the short-term financial investments at local Joint Stock Commercial Banks. The invested capital is 35 billion VND. The investment activities of the Company has the

nature of safety and brings the stable income to the Company.

4. Tình hình tài chính / Financial situation

a) Tình hình tài chính / Financial situation

(Đơn vị tính / Unit: VND)

Chỉ tiêu Financial Figure	Năm 2015 Year 2015	Năm 2016 Year 2016	% tăng giảm % change
Tổng giá trị tài sản / Total assets	37,906,149,487	46,189,538,062	+ 21.9%
Nợ phải trả / Total liability	2,786,436,562	3,324,911,213	+ 19.3%
Doanh thu / Revenue	18,727,629,654	22,121,075,606	+ 18.1%
Thuế và các khoản phải nộp / Taxes and payables	422,036,938	747,980,715	+ 77.2%
Lợi nhuận trước thuế / Profit before tax	9,373,793,359	9,993,642,406	+ 6.6%
Lợi nhuận sau thuế / Profit after tax	7,500,726,168	7,994,913,924	+ 6.6%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / Major financial benchmarks

Chỉ tiêu Financial Figure	Năm 2015 Year 2015	Năm 2016 Year 2016	Ghi chú Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán / Solvency ratio			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	11.9	12.9	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn / Capital structure Ratio			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	7.4%	7.2%	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	7.9%	7.8%	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời / Target on Profitability			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (Profit after tax/ Net revenue Ratio)	40.1%	36.1%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	21.4%	18.7%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	19.8%	17.3%	
I. Quy mô vốn / Capital scale			



Handwritten signature or initials.

- Vốn điều lệ / <i>Charter capital</i>	25,000,000,000	25,000,000,000	(VNĐ)
- Tổng tài sản có / <i>Total assets</i>	37,906,149,487	46,189,538,062	(VNĐ)
I. Khả năng thanh khoản / <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay / <i>Short term solvency</i>	2.69	2.71	
- Khả năng thanh toán chung / <i>General solvency</i>	2.69	2.59	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty / *Report related impact of the Company on the environment and society*

5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường / *Compliance with the law on environmental protection:*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment:*

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *The Company was not fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động / *Policies related to employees*

- a) Số lượng cán bộ, nhân viên trong công ty đến cuối năm 2016: 10 người / *The number of Company employee: 10 persons.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Công ty có chính sách về quyền lợi cho người lao động đảm bảo về môi trường làm việc an toàn, sức khỏe, phúc lợi và chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn giúp người lao động luôn được bảo vệ trước những rủi ro trong công việc và cuộc sống.
The Company has the policies about the employee's benefits to assure the safety environment working, health, compensation and the policy of health care, accident insurance which helps the employees protected by unexpected risks in working and life.

c) Hoạt động đào tạo người lao động / *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên / *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*
 - Công ty luôn khuyến khích người lao động học tập, phát triển bản thân và không giới hạn số lượng giờ đào tạo cho mỗi học viên. Công ty có chính sách hỗ trợ để người lao động có cơ hội được học tập nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân.
The Company always encourages employees in learning, developing; the training hours are not limited to each trainee. The Company has the policy to support employees in learning opportunities to improve their professional capacity and develop.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp / *The skills development and continuous learning*

53
CÓ
HÁCH
MỘT
QUẢ
ĐÀ
V
NHƯ

Handwritten signature

program to support workers employment and career development.

- Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến chứng khoán và quản lý quỹ. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty luôn có cơ hội tham gia đào tạo nội bộ về năng lực và kỹ năng mềm.

The Company provides suitable conditions to attend training courses in the major of securities and fund management. In addition, the employees have opportunity to attend training courses of soft skill and capacity.

5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on

responsibility for local community: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng / *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty hiện đang tham gia và đóng góp vào Quỹ Vì cuộc sống tươi đẹp. Đây là Quỹ từ thiện, xã hội phi lợi nhuận, hoạt động trên cơ sở tự nguyện, tự trang trải kinh phí nhằm phục vụ cho các mục đích hỗ trợ cộng đồng địa phương trong một số lĩnh vực giáo dục, sức khỏe y tế, môi trường và các hoạt động xã hội từ thiện khác nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

The Company currently participates and contributes in the For Better Life Foundation. This is a non-profit charitable, society fund which operates on a voluntary, self-funded basis to support the local community in number fields of education, health care, environment and other social charity activities in order to enhance the quality of life for people.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Report and assessment of the Board of

Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty / *The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây / **General analysis of company's operations against the targets and previous operating results**

- Tổng doanh thu công ty năm 2016 đạt 22,121 tỷ đồng, tăng 18.12% so với doanh thu năm 2015. Trong đó, doanh thu trong cả 02 hoạt động quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ đều tăng.

The Company revenue of year 2016 reaches 22,121 billion VND, increased 18.12% comparing to year 2015. Whereas, the revenue of the operation of portfolio and fund management increase.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được / **The Company's achievements**

- Kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động / *Effective control of operation expenses;*
- Tăng trưởng doanh thu / *Growth in revenue;*
- Định hướng phát triển bền vững / *Orientation for sustainable development.*

2. Tình hình tài chính / Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets:

- Tổng tài sản: Tính đến ngày 31/12/2016 là 46.189 tỷ, tăng 21.85% so với năm 2015 / *The total*

ÔNG
NHIỆT
THÀ
N L
-IC
LƯ
-N-

phu

asset: 46.189 billion VND as of 31st December 2016, increases 21.85% comparing to year 2015.

- Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 19% / *The Return on Asset (ROA) is 19%.*
- Vốn chủ sở hữu: 42.864 tỷ (tại ngày 31/12/2016), tăng 22.05% so với năm 2015 / *The shareholder capital is 42.864 billion VND (as of 31st December 2016), increased 22.05% comparing to year 2015.*
- Lợi nhuận sau thuế: 7.995 tỷ (tại ngày 31/12/2016), tăng 6.2% so với năm 2015 / *The profit after tax is 7.995 billion VND (as of 31st December 2016), increased 6.2% comparing to year 2015.*

b) Tình hình nợ phải trả / *Liabilities*

- Tổng nợ phải trả của công ty tính đến 31/12/2016 là 3.324 tỷ.
Total liability of the Company as of 31st December 2016 is 3.324 billion VND.
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 7.19% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 7.7%. Nợ phải trả chiếm một tỉ trọng không đáng kể so với Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu.
Debt/Total assets ratio is 7.19% and Debt/Total shareholder capital is 7.7%. The liability accounted a trival proportion comparing to Total asset and Shareholder capital.
- Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
The Company does not have any outstanding debts which impact the exchange rate changes on operating result of the Company, and the cost of borrowing to the Company's results.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Công ty thường xuyên rà soát lại các quy định, chính sách nội bộ và thực hiện sửa đổi quy định nếu cần thiết để đảm bảo phù hợp hoạt động của Công ty.
The Company often reviews the internal policies, rules and amends rules in case that it is necessary to ensure be suitable for the Company operation.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in the future*

- Công ty hoạt động kinh doanh với định hướng an toàn, hiệu quả tạo nên sự phát triển bền vững, lâu dài.
The Company operates in a safe and effective manner, creates a sustainable and long-term development.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) / *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

Không có / *None*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty /

Assessment Report related to environmental and social responsibility of the Company

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) /
Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).**

- Tuy là một Công ty Quản lý quỹ, hoạt động kinh doanh hầu như không có ảnh hưởng đến môi trường nhưng Công ty luôn xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.
Although the Company is a type of fund management company and the operation business do not have any impact on environment, but the Company always establishes the culture of environmental protection.
- Công ty luôn tuân thủ những quy định về môi trường.
The Company always complies with the regulations of environment.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động / Review concerning the problems of workers

- Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc tốt cho người lao động như đã đề cập ở Mục II, Khoản 5.2 ở trên.
The Company always makes effort to create a good working environment for employees as mentioned in Section II, Article 5.2 above.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương /
Review concerning corporate responsibility towards the local community**

- Công ty đã có những đóng góp cho cộng đồng như đã đề cập Mục II, Khoản 5.3 ở trên.
The Company had the contributions for community as mentioned in Section II, Article 5.3 above.

IV. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán / *Auditor's opinions*: Phụ lục 1 / *Appendix 1*
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán / *Audited financial statements*: Phụ lục 2 / *Appendix 2*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



Trần Châu Danh
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 / ANNUAL REPORT YEAR 2016

PHỤ LỤC 1 / APPENDIX 1

Báo cáo Kiểm toán độc lập / Independent Auditors' Report

[Pick the date]

Số tham chiếu: 61147610/18556728

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1



Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1672-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 / ANNUAL REPORT YEAR 2016

PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2

Báo cáo Tài chính được kiểm toán / Audited Financial Statements

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.055.491.381	33.062.364.453
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	705.134.590	932.331.706
111	1. Tiền		705.134.590	682.331.706
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	35.000.000.000	28.400.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		35.000.000.000	28.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.875.258.916	3.280.792.022
132	1. Trả trước cho người bán		21.000.000	-
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	7	3.065.581.417	1.697.855.909
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.788.677.499	1.582.936.113
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		475.097.875	449.240.725
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	475.097.875	449.240.725
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.134.046.681	4.843.785.034
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		89.625.000	520.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	89.625.000	520.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.289.535.552	1.263.320.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	676.896.000	846.120.000
222	Nguyên giá		846.120.000	846.120.000
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(169.224.000)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.612.639.552	417.200.000
228	Nguyên giá		4.054.843.148	417.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(442.203.596)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	-	2.841.925.900
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.841.925.900
260	IV. Tài sản dài hạn khác		754.886.129	218.539.134
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		719.160.335	185.156.619
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		35.725.794	33.382.515
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.189.538.062	37.906.149.487

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTQ

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.324.911.213	2.786.436.562
310	I. Nợ ngắn hạn		3.179.911.213	2.786.436.562
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		53.085.000	417.200.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	747.980.715	422.036.938
314	3. Phải trả cho người lao động		1.054.992	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.299.780.677	1.896.968.729
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		78.009.829	50.230.895
330	I. Nợ dài hạn		145.000.000	-
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		145.000.000	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.864.626.849	35.119.712.925
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu		42.864.626.849	35.119.712.925
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		904.309.583	504.563.887
419	3. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		904.309.583	504.563.887
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		16.056.007.683	9.110.585.151
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.189.538.062	37.906.149.487

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	8.632.347.247	3.294.839.259
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		8.632.347.247	3.294.839.259
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	123.095.845.165	110.870.460.348
041	Danh mục nhà đầu tư ủy thác trong nước		123.095.845.165	110.870.460.348
050	Các khoản phải thu khác của nhà đầu tư ủy thác	19	1.556.255.022	1.028.468.700
051	Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư ủy thác	20	3.930.327.549	1.637.903.117

hl

hl

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	21	22.121.075.606	18.727.629.654
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		22.121.075.606	18.727.629.654
21	3. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.953.417.312	1.781.543.100
22	4. Chi phí từ hoạt động tài chính		(12.139)	-
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(14.080.838.368)	(11.139.557.325)
30	6. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		9.993.642.411	9.369.615.429
31	7. Thu nhập khác		-	11.695.309
32	8. Chi phí khác		(5)	(7.517.379)
40	9. Lợi nhuận khác		(5)	4.177.930
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.993.642.406	9.373.793.359
51	11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.2	(2.001.071.761)	(1.878.014.532)
52	12. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.3	2.343.279	4.947.341
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.994.913.924	7.500.726.168

nk

nk



Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Kế toán trưởng

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017


Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


B03-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		9.993.642.406	9.373.793.359
02	Điều chỉnh:			
	1. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	611.427.596	-
03	2. Thay đổi các khoản dự phòng		145.000.000	-
05	3. Doanh thu từ hoạt động đầu tư		(1.953.405.173)	(1.781.543.100)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		8.796.664.829	7.592.250.259
09	1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.022.850.508)	114.702.399
11	2. Tăng các khoản phải trả		437.727.361	742.237.734
12	3. Giảm chi phí trả trước		(506.775.866)	(380.872.978)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.681.209.471)	(2.206.014.403)
16	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(250.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.773.556.345	5.862.303.011
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(1.212.917.248)	(3.688.045.900)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(38.200.000.000)	(34.400.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		31.600.000.000	31.300.000.000
27	4. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		1.812.163.787	1.403.552.819
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		(6.000.753.461)	(5.384.493.081)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(227.197.116)	477.809.930
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		932.331.706	454.521.776
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	705.134.590	932.331.706


Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập


Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Kế toán trưởng


Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỔI ĐỒNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Năm 2015		Năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu chưa phân phối (*)	16	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (*)		2.359.931.599	9.110.585.151	7.500.726.168	(750.072.616)	7.994.913.924	(1.049.491.392)	9.110.585.151	16.056.007.683
3. Quỹ dự phòng tài chính		129.527.579	504.563.887	375.036.308	-	399.745.696	-	504.563.887	904.309.583
4. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		129.527.579	504.563.887	375.036.308	-	399.745.696	-	504.563.887	904.309.583
		27.618.986.757	35.119.712.925	8.250.798.784	(750.072.616)	8.794.405.316	(1.049.491.392)	35.119.712.925	42.864.626.849

(*) Khoản giảm lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2016 còn bao gồm 250.000.000 đồng góp Quỹ Trách nhiệm Xã hội Dai-ichi Life Việt Nam.



Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Ông Trần-Phạm Danh
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10 người).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125").

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 125 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3); và
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 *Cơ sở hoạt động liên tục*

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao với thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi thanh toán	705.134.590	682.331.706
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	84.521.373	84.051.178
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	620.613.217	598.280.528
Các khoản tương đương tiền	-	250.000.000
	705.134.590	932.331.706

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm với mức lãi suất từ 6%/năm đến 6,7%/năm.

7. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	2.998.782.324	1.637.903.117
Phải thu phí quản lý quỹ thành viên	66.799.093	59.952.792
	3.065.581.417	1.697.855.909

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
 Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu	1.233.177.499	1.091.936.113
Ứng trước tiền lương cho người lao động (*)	547.500.000	483.000.000
Cầm cố, ký cược ngắn hạn	8.000.000	8.000.000
	1.788.677.499	1.582.936.113

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một (1) năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba (3) tháng là 136.875.000 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	449.240.725	-
Tăng trong năm	1.548.608.180	1.535.401.951
Phân bổ trong năm	(1.522.751.030)	(1.086.161.226)
Số cuối năm	475.097.875	449.240.725

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác bao gồm khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có thời hạn thu hồi lớn hơn một năm.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	
	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	
Nguyên giá		
Số đầu năm		846.120.000
<i>Mua sắm trong năm</i>		-
Số cuối năm		846.120.000
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm		-
<i>Khấu hao trong năm</i>		169.224.000
Số cuối năm		169.224.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		846.120.000
Số cuối năm		676.896.000

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	417.200.000
<i>Phân loại từ tài sản dở dang</i>	<u>3.637.643.148</u>
Số cuối năm	<u>4.054.843.148</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	-
<i>Hao mòn trong năm</i>	<u>442.203.596</u>
Số cuối năm	<u>442.203.596</u>
Giá trị còn lại	-
Số đầu năm	<u>417.200.000</u>
Số cuối năm	<u>3.612.639.552</u>

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	2.841.925.900	-
Mua sắm trong năm	795.717.248	2.841.925.900
Chuyển đổi thành tài sản cố định hữu hình	<u>(3.637.643.148)</u>	-
	<u>-</u>	<u>2.841.925.900</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Biến động trong năm</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>(Thuyết minh số 24.2)</i>	381.209.471	2.001.071.761	(1.681.209.471)	701.071.761
Thuế thu nhập cá nhân	40.827.467	1.070.375.384	(1.064.293.897)	46.908.954
Thuế khác	-	187.112.914	(187.112.914)	-
	<u>422.036.938</u>	<u>3.258.560.059</u>	<u>(2.932.616.282)</u>	<u>747.980.715</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả cho nhân viên	2.121.151.702	1.730.056.150
Phí kiểm toán	114.559.997	113.108.001
Chi phí khác	64.068.978	53.804.578
	<u>2.299.780.677</u>	<u>1.896.968.729</u>

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
 Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 53/GP-UBCK	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND Vốn pháp định đã góp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (DLVN)	25.000.000.000	100	25.000.000.000

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác là DLVN				
Ngân hàng				
HSBC Việt Nam	3.294.839.259	149.783.511.939	(144.446.003.951)	8.632.347.247
	3.294.839.259	149.783.511.939	(144.446.003.951)	8.632.347.247

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Danh mục đầu tư ủy thác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Cổ phiếu niêm yết	51.525.980.365	48.729.310.348
<i>Trong đó:</i>		
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro (*)	9.991.858.800	13.962.426.620
Trái phiếu chính phủ	36.692.864.800	29.724.900.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	33.877.000.000	30.916.250.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	1.000.000.000	1.500.000.000
	123.095.845.165	110.870.460.348

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro như dưới đây:

	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.316.070.989
Tập đoàn Bảo Việt	1.288.327.873
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	1.128.278.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	1.000.490.640
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	915.146.395
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	732.744.841
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	618.225.950
CTCP Cao Su Phước Hòa	518.126.025
CTCP chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)	516.791.097
CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	301.100.975
CTCP Gamadept	299.267.094
CTCP Cao su Đồng Phú	151.301.613
CTCP Đầu tư và phát triển Đô Thị và Khu công nghiệp Sông Đà	118.051.813
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Việt Nam	87.934.895
	<u>9.991.858.800</u>

	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số tiền
Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	3.508.213.857
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	1.971.908.360
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.599.595.801
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	1.379.666.402
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	1.146.717.500
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	1.015.521.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	922.381.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	823.733.750
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	616.172.875
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	535.201.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	443.313.975
	<u>13.962.426.620</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu khác từ nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	283.183.000	279.394.000
Phải thu bán cổ phiếu	1.273.072.022	749.074.700
	<u>1.556.255.022</u>	<u>1.028.468.700</u>

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	2.998.782.324	1.637.903.117
Phải trả mua cổ phiếu	931.545.225	-
	3.930.327.549	1.637.903.117

21. DOANH THU

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	21.337.415.795	17.978.217.676
Phí quản lý quỹ thành viên (Thuyết minh số 25)	783.659.811	749.411.978
	22.121.075.606	18.727.629.654

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí theo lương	8.912.949.493	7.676.757.328
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	2.763.660.369	2.117.280.828
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	1.293.783.165	930.889.075
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	611.427.596	-
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	-
Chi phí công tác	300.295.965	371.138.274
Thuế và phí khác	13.000.000	5.000.000
Chi phí khác	40.721.780	38.491.820
	14.080.838.368	11.139.557.325

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Mức thuế xuất thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập tính thuế

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.001.071.761	1.878.014.532
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.343.279)	(4.947.341)
Tổng cộng	1.998.728.482	1.873.067.191

24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế TNDN	9.993.642.406	9.373.793.359
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.998.728.482	1.874.758.673
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ khác	-	1.503.457
Thay đổi trong chi phí trích trước	2.343.279	4.947.341
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(3.194.939)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.001.071.761	1.878.014.532

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
 Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế TNDN hoãn lại:

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau :

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Chi phí trích trước	35.725.794	33.382.515	2.343.279	4.947.341
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			2.343.279	4.947.341

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
DLVN (Thuyết minh số 21)	Công ty mẹ	Phí quản lý quỹ	21.337.415.795	17.978.217.676
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam (Thuyết minh số 21)	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	783.659.811	749.411.978

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau :

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay Phải thu/ (Phải trả)</i>	<i>Năm trước Phải thu/ (Phải trả)</i>
DLVN (Thuyết minh số 7)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý quỹ	2.998.782.324	1.637.903.117
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam (Thuyết minh số 7)	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	66.799.093	59.952.792

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	340.000.000	408.000.000
Từ 1 đến 5 năm	-	340.000.000
	<u>340.000.000</u>	<u>748.000.000</u>

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Quân lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	705.134.590	-	-	705.134.590
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	14.000.000.000	21.000.000.000	35.000.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	3.065.581.417	-	3.065.581.417
Phải thu ngắn hạn khác	-	970.031.666	818.645.833	1.788.677.499
	705.134.590	18.035.613.083	21.818.645.833	40.559.393.506
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	178.628.975	178.628.975
Phải trả người bán ngắn hạn	-	53.085.000	-	53.085.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	747.980.715	-	747.980.715
Phải trả ngắn hạn khác	-	78.009.829	-	78.009.829
	-	879.075.544	178.628.975	1.057.704.519
Chênh lệch thanh khoản ròng	705.134.590	17.156.537.539	21.640.016.858	39.501.688.987
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	682.331.706	250.000.000	-	932.331.706
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	13.700.000.000	14.700.000.000	28.400.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	1.697.855.909	-	1.697.855.909
Phải thu ngắn hạn khác	-	764.669.446	327.266.667	1.091.936.113
	682.331.706	16.412.525.355	15.027.266.667	32.122.123.728
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	166.912.579	-	166.912.579
Phải trả người bán ngắn hạn	-	417.200.000	-	417.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	422.036.938	-	422.036.938
Phải trả ngắn hạn khác	-	50.230.895	-	50.230.895
	-	1.056.380.412	-	1.056.380.412
Chênh lệch thanh khoản ròng	682.331.706	15.356.144.943	15.027.266.667	31.065.743.316

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thành Viên Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	Số đầu năm	VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm			
Tài sản tài chính							
Tiền và tương đương tiền	705.134.590	932.331.706	705.134.590	932.331.706			932.331.706
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.000.000.000	28.400.000.000	35.000.000.000	28.400.000.000			28.400.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	3.065.581.417	1.697.855.909	3.065.581.417	1.697.855.909			1.697.855.909
Phải thu ngắn hạn khác	1.788.677.499	1.099.936.113	1.788.677.499	1.099.936.113			1.099.936.113
	40.559.393.506	32.130.123.728	40.559.393.506	32.130.123.728			32.130.123.728
Nợ phải trả tài chính							
Chi phí phải trả ngắn hạn	178.628.975	166.912.579	178.628.975	166.912.579			166.912.579
Phải trả người bán ngắn hạn	53.085.000	417.200.000	53.085.000	417.200.000			417.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	747.980.715	422.036.938	747.980.715	422.036.938			422.036.938
Phải trả ngắn hạn khác	78.009.829	50.230.895	78.009.829	50.230.895			50.230.895
	1.057.704.519	1.056.380.412	1.057.704.519	1.056.380.412			1.056.380.412

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi số của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Một Thành Viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập



Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc



Ngày 9 tháng 3 năm 2017